

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TC GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TC GROUP INVESTMENT AND DEVELOPMENT TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TC GROUP INVESTMENT CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109886386

3. Ngày thành lập: 13/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5, ngách 36, ngõ 1 Tân Khai, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917320067

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
4.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động của các đấu giá viên) - Môi giới mua bán hàng hóa	4610(Chính)
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
25.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
26.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
27.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
28.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
29.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
30.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
31.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
32.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
33.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
34.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
35.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
36.	Sản xuất đường	1072
37.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
38.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
40.	Sản xuất chè	1076
41.	Sản xuất cà phê	1077
42.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
43.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
44.	Sản xuất rượu vang	1102
45.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
46.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
47.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
48.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa, silicon	2220
49.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
50.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
51.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

52.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
53.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
54.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
55.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
56.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
57.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
58.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
59.	Sản xuất máy luyện kim	2823
60.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
61.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
62.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
63.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất các loại máy móc tự động hóa	2829
64.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
67.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics	5229
73.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo các loại khuôn mẫu	3290
74.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
76.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
80.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
81.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ TIẾN ĐỨC	Việt Nam	Thôn Phúc Hà, Xã Khánh Vân, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	760.000.000	40,000	037089002592	
2	PHAN VIỆT ANH	Việt Nam	Căn 2306, park 07, Park Hill Timescity, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	950.000.000	50,000	030090001861	
3	ĐÀM QUỐC PHONG	Việt Nam	Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	190.000.000	10,000	030090008803	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ TIẾN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037089002592

Ngày cấp: 25/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Phúc Hà, Xã Khánh Vân, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 601-A2 Đèn Lừ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội